

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn và ông Bùi Văn Thiệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quách Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tú Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41^A/2025/QĐXX - ST ngày 08/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Hà Thị H**, sinh năm 1990, số CCCD 017190006453. Địa chỉ: Xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm B, xã Q, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** **Anh Bùi Văn H1**, sinh năm 1991, số CCCD 017091003434. Địa chỉ: Xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm B, xã Q, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã Q, tỉnh Phú Thọ) ngày 28/02/2011. Trong những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó chúng tôi phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2025. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn, không cai được nghiện ma túy nên kinh tế gia đình luôn khó khăn, dẫn đến tình trạng thường xuyên cãi nhau trong thời gian dài và

không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Phú Thọ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Văn H1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Phần trình bày của bị đơn:

Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, không tiến hành phiên hòa giải được và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án); khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H, xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1.

- *Về con chung:* Không có

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Kết hôn ngày 28/02/2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã Q, tỉnh Phú Thọ). Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn H1: Không có con chung.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Tài liệu chứng cứ chị Hà Thị H giao nộp tại Tòa án: Giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn giữa Hà Thị H và Bùi Văn H1 (*bản chính*); căn cước công dân của chị Hà Thị H (*bản sao*); xác nhận thông tin về nơi cư trú của Bùi Văn H1 (*bản chính*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ giải quyết việc ly hôn bị đơn: Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1991, số CCCD 017091003434. Địa chỉ: Xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm B, xã Q, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

Tòa án đã triệu tập đương sự, thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, biên bản không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến các đương sự nhưng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị H và anh Bùi Văn H1 kết hôn ngày 28/02/2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã Q, tỉnh Phú Thọ) là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H: Chị H trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn, bản thân anh H1 là người nghiện ma túy, không cai được nghiện, không chịu làm ăn từ đó dẫn đến tình cảm phai nhạt và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị H, anh H1 tại xóm B, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm B, xã Q, tỉnh Phú Thọ và gia đình anh H1. Kết quả cho thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H1, chị H chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Anh H1 nghiện ma túy, không có con chung, không quan tâm đến vợ và gia đình. Về phía gia đình cũng đã can ngăn và khuyên bảo cho vợ chồng anh H1, chị H sống hoà thuận nhưng không thành.

Xét thấy, vợ chồng anh H1 chị H sống ly thân, thời gian sống ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Không có

[2.3] *Về tài sản chung*: Không có.

[2.4] *Về nợ chung*: Không có.

[2.5] *Về án phí*: Chị Hà Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án); khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hà Thị H. Xử cho chị Hà Thị H ly hôn anh Bùi Văn H1.

2. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003825 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3);
- VKSND khu vực 15 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Quyết Thắng, tỉnh Phú Thọ (Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã Phú Lương; đăng ký ngày 28/02/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hương